

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông, có nêu: “*Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư này, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương*”.

Do đó, để triển khai thực hiện Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khuyến nông hàng năm trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ tối đa làm căn cứ để cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ của cơ quan đơn vị mình, khả năng dự toán ngân sách nhà nước được giao xây dựng kế hoạch khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 197/HĐND-KTNS ngày 27/8/2020, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ, đơn vị liên quan nghiên cứu xây dựng Nghị quyết tại văn bản số 4100/UBND-NNTN ngày 03/9/2020. Cơ quan chủ trì đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gửi lấy ý kiến các cơ quan, sở ngành và địa phương liên quan; đồng thời đăng tải nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết. Tổng hợp, giải trình, tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo các góp ý và gửi Sở Tư pháp thẩm định; trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 176/BC-STP ngày 13/11/2020, cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, báo cáo UBND tỉnh tổ chức cuộc họp thống nhất ngày 20/11/2020 và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp cuối năm 2020.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết được xây dựng theo hình thức Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (có 08 điều) kèm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Nội dung cơ bản

a) Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Những nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông địa phương không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông địa phương

c1). Kinh phí khuyến nông:

- Kinh phí cấp tỉnh sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với nhu cầu, chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh. Việc xét chọn nội dung hoạt động khuyến nông hàng năm do UBND tỉnh quyết định.

- Kinh phí cấp huyện, cấp xã sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định nội dung hoạt động và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí đó.

c2) Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành.

c3) Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

d) Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

d1) Nội dung chi: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác như: khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

d2) Đối tượng và mức hỗ trợ:

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo:

+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học nhưng không quá 30.000 đồng/người/khóa học; tiền ăn không quá 150.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức tại trung tâm thị xã, thành phố (bao gồm các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi); không quá 120.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức tại huyện (trung tâm huyện) và các xã còn lại của thị xã, thành phố Quảng Ngãi; không quá 100.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức tại các xã thuộc huyện.

+ Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

+ Nếu đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng thì được hỗ trợ 100% tiền đi lại theo giá giao thông công cộng.

+ Hỗ trợ 100% tiền đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng cho người học ở huyện đảo Lý Sơn khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức trong đất liền theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

+ Hỗ trợ 100% tiền thuê chỗ ở cho người học ở cách xa nơi cư trú từ 25km trở lên nhưng không quá 200.000 đồng/người/ngày đối với lớp học được tổ chức tại thành phố Quảng Ngãi và không quá 150.000 đồng/người/ngày đối với lớp học được tổ chức tại thị xã, các huyện còn lại trong tỉnh.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác và thành viên hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi

phí tài liệu học và 50% tiền đi lại, tiền ăn, ở theo mức quy định tại điểm a, khoản này.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo.

- Đối với người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học.

- Đối với người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định tại điểm a, khoản này.

- Mức hỗ trợ cho việc tổ chức lớp học, gồm:

+ Văn phòng phẩm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng không quá 30.000 đồng/người.

+ Giải khát không quá 40.000 đồng/người/ngày.

+ Thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp; nhưng đối với địa bàn thành phố Quảng Ngãi không quá 3.000.000 đồng/buổi và không quá 5.000.000 đồng/ngày, các địa bàn còn lại không quá 2.000.000 đồng/buổi và không quá 3.000.000 đồng/ngày.

- Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên:

+ Giảng viên, báo cáo viên là giáo sư; chuyên gia cao cấp; giảng viên cao cấp; tiến sỹ khoa học: Mức chi 1.600.000 đồng/người/buổi;

+ Giảng viên, báo cáo viên là Viện trưởng và Phó viện trưởng; Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương thuộc Bộ; phó giáo sư; tiến sỹ; chuyên viên cao cấp: Mức chi 1.200.000 đồng/người/buổi;

+ Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh: Mức chi 900.000 đồng/người/buổi;

+ Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống (không bao gồm tiến sỹ, chuyên viên cao cấp): Mức chi 600.000 đồng/người/buổi;

+ Giảng viên nước ngoài: Mức chi không quá 1.800.000 đồng/người/buổi.

Một ngày giảng lý thuyết hoặc hướng dẫn thực hành thao tác kỹ thuật được tính là 10 tiết hoặc 8 giờ. Tiền bồi dưỡng cho giảng viên đã bao gồm tiền biên soạn tài liệu, bài giảng.

- Chi hỗ trợ tiền đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên:

Mức hỗ trợ thực hiện theo Điều 5, 6, 7 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

e) Chi thông tin tuyên truyền

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến, bằng các hình thức sau:

- Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; tạp chí, tập san, bản tin, pano, áp phích, trang thông tin điện tử khuyến nông, đĩa CD,...); cung cấp các loại sổ tay Khuyến nông, tạp chí Khuyến nông; Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

- Chi thu thập thông tin, bài mới; biên tập, cập nhật thông tin; hỗ trợ cho Ban biên tập của Trang thông tin điện tử khuyến nông: Mức hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quy định mức chi phục vụ hoạt động của cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi và các trang thông tin điện tử thành phần.

- Chi nhuận bút cho tạp chí, tập san, bản tin Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Mức hỗ trợ áp dụng theo Điều 1, Điều 2 của Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định tạm thời về nội dung và mức chi nhuận bút đối với tạp chí, tập san, bản tin.

- Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập:

- + Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

- + Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN).

- Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

- Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu,

trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.

- Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

- Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

f) Chi xây dựng và nhân rộng mô hình

f1) Nội dung chi:

- Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ kỹ thuật và công nghệ phù hợp với thực tiễn sản xuất của địa phương.

- Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao.

- Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn; chi triển khai mô hình trình diễn.

f2) Mức hỗ trợ:

- Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

+ Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

+ Mô hình trình diễn ở địa bàn miền núi, bãi ngang được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

+ Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

+ Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

- Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

- Chi phí triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, hội nghị tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Nội dung chi, mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Quy định này nhưng không quá 15 triệu đồng/mô hình; riêng mô hình công nghệ cao không quá 20 triệu đồng/mô hình.

- Chính sách nhân rộng mô hình:

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình. Riêng mức hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn không quá 100.000 đồng/người/ngày.

g) Các nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông

- Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông: Mức chi theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTĐBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

- Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi quản lý chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông: Được tính bằng 8% từ nguồn kinh phí khuyến nông (trong đó 3% dành cho cơ quan quản lý khuyến nông và 5% dành cho tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông).

h) Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

- Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính;
- VPUB: PCVP (NN), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NNTN (ln444)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2020 của và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, kỳ họp thứ....., thông qua ngày.....tháng.....năm 2020 và có hiệu lực từ ngày...../...../2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTW Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông
địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND
ngày / /2020 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông địa phương không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông địa phương

1. Kinh phí khuyến nông:

a) Kinh phí cấp tỉnh sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với nhu cầu, chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh. Việc xét chọn nội dung hoạt động khuyến nông hàng năm do UBND tỉnh quyết định.

b) Kinh phí cấp huyện, cấp xã sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định nội dung hoạt động và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí đó.

2. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Nội dung chi: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi

cho học viên: hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác như: khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

2. Đối tượng và mức hỗ trợ:

a) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo:

- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học nhưng không quá 30.000 đồng/người/khóa học; tiền ăn không quá 150.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức tại trung tâm thị xã, thành phố (bao gồm các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi); không quá 120.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức tại huyện (trung tâm huyện) và các xã còn lại của thị xã, thành phố Quảng Ngãi; không quá 100.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức tại các xã thuộc huyện.

- Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

- Nếu đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng thì được hỗ trợ 100% tiền đi lại theo giá giao thông công cộng.

- Hỗ trợ 100% tiền đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng cho người học ở huyện đảo Lý Sơn khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tổ chức trong đất liền theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

- Hỗ trợ 100% tiền thuê chỗ ở cho người học ở cách xa nơi cư trú từ 25km trở lên nhưng không quá 200.000 đồng/người/ngày đối với lớp học được tổ chức tại thành phố Quảng Ngãi và không quá 150.000 đồng/người/ngày đối với lớp học được tổ chức tại thị xã, các huyện còn lại trong tỉnh.

b) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác và thành viên hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học và 50% tiền đi lại, tiền ăn, ở theo mức quy định tại điểm a, khoản này.

c) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo.

d) Đối với người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học.

đ) Đối với người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định tại điểm a, khoản này.

e) Mức hỗ trợ cho việc tổ chức lớp học, gồm:

- Văn phòng phẩm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng không quá 30.000 đồng/người.

- Giải khát không quá 40.000 đồng/người/ngày.

- Thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp; nhưng đối với địa bàn thành phố Quảng Ngãi không quá 3.000.000 đồng/buổi và không quá 5.000.000 đồng/ngày, các địa bàn còn lại không quá 2.000.000 đồng/buổi và không quá 3.000.000 đồng/ngày.

g) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên

- Giảng viên, báo cáo viên là giáo sư; chuyên gia cao cấp; giảng viên cao cấp; tiến sỹ khoa học: Mức chi 1.600.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Viện trưởng và Phó viện trưởng; Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương thuộc Bộ; phó giáo sư; tiến sỹ; chuyên viên cao cấp: Mức chi 1.200.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh: Mức chi 900.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống (không bao gồm tiến sỹ, chuyên viên cao cấp): Mức chi 600.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên nước ngoài: Mức chi không quá 1.800.000đồng/người/buổi.

Một ngày giảng lý thuyết hoặc hướng dẫn thực hành thao tác kỹ thuật được tính là 10 tiết hoặc 8 giờ. Tiền bồi dưỡng cho giảng viên đã bao gồm tiền biên soạn tài liệu, bài giảng.

h) Chi hỗ trợ tiền đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên:

- Mức hỗ trợ thực hiện theo Điều 5, 6, 7 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

Điều 5. Chi thông tin tuyên truyền

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến, bằng các hình thức sau:

1. Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; tạp chí, tập san, bản tin, pano, áp phích, trang thông tin điện tử khuyến nông, đĩa CD,...); cung cấp các loại sổ tay Khuyến nông, tạp chí Khuyến nông: Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông

trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

2. Chi thu thập thông tin, bài mới; biên tập, cập nhật thông tin; hỗ trợ cho Ban biên tập của Trang thông tin điện tử khuyến nông

Mức hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quy định mức chi phục vụ hoạt động của cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi và các trang thông tin điện tử thành phần.

3. Chi nhuận bút cho tạp chí, tập san, bản tin Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mức hỗ trợ áp dụng theo Điều 1, Điều 2 của Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định tạm thời về nội dung và mức chi nhuận bút đối với tạp chí, tập san, bản tin.

4. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

5. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

6. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.

7. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

8. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ

Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 6. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Nội dung chi:

a) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ kỹ thuật và công nghệ phù hợp với thực tiễn sản xuất của địa phương.

b) Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao.

c) Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

d) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn; chi triển khai mô hình trình diễn.

2. Mức hỗ trợ:

a) Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

- Mô hình trình diễn ở địa bàn miền núi, bãi ngang được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

- Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

b) Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

c) Chi phí triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, hội nghị tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Nội dung chi, mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Quy định này nhưng không quá 15 triệu đồng/mô hình; riêng mô hình công nghệ cao không quá 20 triệu đồng/mô hình.

d) Chính sách nhân rộng mô hình

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình. Riêng mức hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn không quá 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 7. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông: Mức chi theo thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

2. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi quản lý chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông: Được tính bằng 8% từ nguồn kinh phí khuyến nông (trong đó 3% dành cho cơ quan quản lý khuyến nông và 5% dành cho tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông)

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân